

Bản án số: 141/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2017

V/v tranh chấp “*Xin ly hôn*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà LÊ TRẦN XUÂN VĂN

Các Hội thẩm nhân dân:

1) Ông TRƯƠNG NGỌC CHÂU

2) Ông DƯƠNG TRẦN TRỌNG QUANG

Thư ký phiên tòa: Bà ĐẶNG THỊ THẢO LAN, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: ông TRẦN VĂN TRUYỀN – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang. Tòa án nhân dân huyện C tiến hành xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 305/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2017, về tranh chấp “*Xin ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2017/QĐXX-ST ngày 11 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà PHẠM THỊ H, sinh năm: 1972

Địa chỉ: Ấp 3, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang (*có mặt*)

2. *Bị đơn:* Ông PHẠM VĂN N, sinh năm: 1963

Tạm trú: Ấp 3, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang (*có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 16/8/2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày: Bà và ông N bắt đầu chung sống với nhau từ năm 2005, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng kể từ năm 2013 đến nay vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc kéo dài. Nguyên nhân do ông N sống không có trách nhiệm với gia đình. Thường xuyên nhậu nhè say xỉn, đánh đập vợ con. Bà H đã nhiều lần cho cơ hội nhưng ông N không sửa đổi. Vợ chồng đã ly thân

từ năm 2016 đến nay. Nay bà H xác định mâu thuẫn giữa bà và ông N không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: có 01 con chung tên Phạm Hữu N, sinh ngày 29/11/2005 hiện đang sống cùng bà H. Khi ly hôn bà yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

* Tại bản tự khai ngày 8/9/2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Phạm Văn N trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà H về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn. Thống nhất về thời gian phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn cũng như thời gian ly thân. Tuy nhiên hiện nay ông đã ăn năn hối cải, mong muốn bà H cho cơ hội để cùng nhau chung sống đoàn tụ, không đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung như bà H trình bày. Do không đồng ý ly hôn nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật và nội dung vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tòa án, việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với nội dung vụ án, đề nghị hội đồng xét xử giải quyết theo hướng:

+ Về hôn nhân: không công nhận bà H và ông N là vợ chồng;

+ Về con chung: Giao con chung cho bà H nuôi, ông N không cấp dưỡng;

+ Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa bà Phạm Thị H và ông Phạm Văn N là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị H và ông Phạm Văn N thống nhất khai ông, bà chung sống với nhau kể từ năm 2005 nhưng không có đăng ký kết hôn. Nay tình cảm vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bà H yêu cầu ly hôn nhưng ông N không đồng ý. Xét thấy, mặc dù bà H và ông N chung sống với nhau như vợ chồng trong

thời gian dài, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng hai bên không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình. Vì vậy, việc chung sống của bà H, ông N không được pháp luật công nhận là vợ chồng nên yêu cầu ly hôn của bà H là không có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử không công nhận bà H và ông N là vợ chồng.

[3] Về con chung: Hai bên thống nhất trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Hữu N, sinh ngày 29/11/2005 hiện đang chung sống cùng bà H. Khi ly hôn, bà yêu cầu được quyền nuôi con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện tại cháu N đang sống cùng bà H, cuộc sống ổn định, sức khỏe tốt. Theo biên bản xác minh ngày 08/9/2017 tại chính quyền địa phương thì bà H có công việc thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc con chung. Đối với ông N, chính quyền địa phương không xác định được công việc cụ thể. Nguyên vọng của cháu N cũng muốn chung sống cùng bà H. Do đó, để đảm bảo ổn định cho cháu N về sức khỏe, học hành và các quyền lợi khác của con chung. Hội đồng xét xử nghĩ nên tiếp tục giao cháu Phạm Hữu N cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà H phải chịu án phí HNST.

Xét ý kiến phát biểu của đại viện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 14, 15, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng các Điều 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Phạm Thị H và ông Phạm Văn N là vợ chồng;
2. Về con chung: Giao cháu Phạm Hữu N, sinh ngày 29/11/2005 cho bà Phạm Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Phạm Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu;

Ông N được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Không ai được cản trở quyền này.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 14666 ngày 31/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã thi hành xong.

Bà Phạm Thị H và ông Phạm Văn N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- CCTHA DS huyện C;
- UBND xã C, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Trần Xuân Văn

C, ngày 28 tháng 9 năm 2017

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 50 phút, ngày 28 tháng 9 năm 2017

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang

Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà LÊ TRẦN XUÂN VĂN – Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân:

1)

2)

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 305/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2017, về tranh chấp “*Xin ly hôn, nuôi con chung*” giữa:

1. Nguyên đơn: Bà PHẠM THỊ H, sinh năm: 1972

Địa chỉ: Ấp 3, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: Ông PHẠM VĂN N, sinh năm: 19763

Địa chỉ: Ấp 3, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất 3/3 (100%)

Áp dụng các Điều 9, 14, 15, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng các Điều 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Phạm Thị H và ông Phạm Văn N là vợ chồng;

Kết quả biểu quyết: thống nhất 3/3

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Hữu N, sinh ngày 29/11/2005 cho bà Phạm Thị Htrực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Phạm Văn Nkhông phải cấp dưỡng nuôi con do bà Hkhông yêu cầu;

Ông N được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Không ai được cản trở quyền này.

Kết quả biểu quyết: thống nhất 3/3

3. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về nợ chung: Không có.

Kết quả biểu quyết: thống nhất 3/3

5. Về án phí: Bà Phạm Thị Hphải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 14666 ngày 31/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã thi hành xong.

Kết quả biểu quyết: thống nhất 3/3

Bà Phạm Thị Hvà ông Phạm Văn Ncó quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: thống nhất 3/3

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Thật Phạm Văn Sang

Lê Trần Xuân Văn